

Bản án số: 240/2020/HSST

Ngày 28-10-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 259/2020/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn T (tên gọi khác: **M, Tr M, T bê đê**), sinh năm 1991 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; Nơi ở: Lang thang; Nghề nghiệp: Bán vé số; trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Cha: Võ Văn U, sinh năm 1953 (đã chết); Mẹ: Trần Thị H, sinh năm 1962 (đã chết); Chưa có vợ, con; Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 13/2012/HSST ngày 15 tháng 02 năm 2012, TAND thành phố Vũng Tàu xử phạt Võ Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25 tháng 12 năm 2015 và phần án phí HSST; phần bồi thường thiệt hại trách nhiệm dân sự số tiền 3.150.000 đồng, bị cáo mới thực hiện được 1.500.000 đồng và chưa đóng án phí DSST;

Nhân thân: Quyết định số 7780/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 2008, Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu áp dụng biện pháp đưa vào Trường giáo dưỡng, thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10 tháng 7 năm 2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu (Có mặt tại phiên tòa);

Bị hại:

1. Anh Cao Vũ Đức M, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Số 159 đường A, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Anh Phạm Thành Tr, sinh năm 1984; Nơi cư trú: 82/11 đường D, phường Thắng T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Đức Đ, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Số 303 đường Tr, Phường B, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Văn T là đối tượng sống lang thang và là người nghiện ma túy, không có việc làm, không có nơi cư trú nhất định. Để có tiền tiêu xài cá nhân và sử dụng trái phép chất ma túy, T đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trên địa bàn Thành phố Vũng Tàu, cụ thể như sau:

Vụ Thứ 1: Khoảng 22 giờ ngày 17 tháng 6 năm 2020, Võ Văn T cùng đối tượng tên L (không rõ nhân thân lai lịch) rủ nhau đi tìm tài sản của người khác để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó L dùng xe máy hiệu Yamaha Ultimo (không rõ biển số) chở T đi lòng vòng trên nhiều tuyến đường thuộc địa bàn TP.Vũng Tàu tìm tài sản. Đến khoảng 23 giờ 50 phút cùng ngày, L và T phát hiện quán cà phê Góc Phố, địa chỉ: 06 đường L, Phường M, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu không có hàng rào bảo vệ, không có người canh giữ nên L dừng xe trên vỉa hè để T đi vào quán tìm tài sản. T lén lút đột nhập vào quán cà phê qua lối cầu thang bộ phát hiện Cao Vũ Đức M (sinh năm 1990, HKTT: Số 159 đường A, Phường B, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu – quản lý quán cà phê) đang ngủ say nên tìm tài sản để chiếm đoạt. Tiến lấy 01 mắt kính cận hiệu Natimun và 01 cây son môi vỏ màu đen đã bị hư hỏng giấu vào trong người rồi đi đến vị trí anh M đang ngủ lấy 01 ví tiền. T mở ví lấy hết toàn bộ số tiền bên trong giấu vào người, để lại ví trên thùng nước đá rồi nhanh chóng rời khỏi quán để L dùng xe máy chở đi. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, L và T đi đến bờ biển trên đường Q, Phường M, TP.Vũng Tàu để kiểm đếm số tiền chiếm đoạt được của anh M là 5.400.000 đồng. T và L chia nhau mỗi người được số tiền 2.700.000 đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết. T không cho L biết đã chiếm đoạt được 01 mắt kính và 01 cây son môi mà tự ý giữ lại để cất giữ, sử dụng sau đó đã làm mất.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐĐG-TTHS ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự TP.Vũng Tàu xác định giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt của 01 mắt kính cận hiệu Natimun là 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của anh M xác định được là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Vụ Thứ 2: Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 04 tháng 7 năm 2020, Võ Văn T đi qua nhà anh Phạm Thành Tr (sinh năm 1984, trú tại: 82/11 đường Đ, phường T, TP.Vũng Tàu) phát hiện cửa cổng không khóa, bên trong nhà không có người nên lén lút đi vào tìm tài sản để chiếm đoạt. T đi vào phòng khách dưới tầng trệt phát hiện 01 máy tính xách tay hiệu Dell 7510 I7 của anh Tr để trên bàn làm việc nên đi đến rút dây sạc, gấp máy tính lại rồi nhanh chóng đi ra khỏi nhà tẩu thoát. Tiến mang tài sản vừa chiếm đoạt được đến bán tại tiệm cầm đồ A, địa chỉ 303 R, phường B, TP.Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Anh Phạm Đức Đ (sinh năm 1988, HKTT: xã Q, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên – quản lý tiệm cầm đồ) không biết máy tính xách tay do T chiếm đoạt của người khác nên đã mua lại với số tiền 2.300.000 đồng, anh Đ không nhớ rõ số hiệu, đời máy do đã mua - bán nhiều máy tính khác nhãn hiệu Dell tại tiệm cầm đồ A. Anh Đ đã tự nguyện giao nộp 01 máy tính hiệu Dell Latitude E5430, mã số 30760/SDPPI/2013 2558 mà anh cho rằng đã mua từ T. Quá trình điều tra xác định máy tính xách tay thu giữ từ anh Đ không phải là tài sản T chiếm đoạt của anh Phạm Thành Tr. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Vũng Tàu đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu bằng hình thức trả lại máy tính hiệu Dell Latitude E5430, mã số: 30760/SDPPI/2013 2558 cho anh Đ.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 148/KL-HĐĐG-TTHS ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự TP.Vũng Tàu xác định giá trị tại thời điểm bị chiếm đoạt của 01 máy tính xách tay hiệu Dell 7510 I7 là: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà T đã chiếm đoạt của các bị hại là 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng)

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Cao Vũ Đức M; 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Phạm Thành Tr đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Vũ Đức M yêu cầu trả số tiền bị chiếm đoạt và 01 mắt kính cận hiệu Natimun hoặc đền bù theo giá trị tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt; Bị hại Phạm Thành Tr không có yêu cầu nhận lại hoặc đền bù tài sản bị chiếm đoạt.

Bản cáo trạng số 265/CT-VKS ngày 05/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu đã truy tố Võ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s Khoản 1 Điều 51; điểm g, h, khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 12 đến 15 tháng tù;

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Cao Vũ Đức M; 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Phạm Thành Tr.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Cao Vũ Đức M số tiền 5.500.000 đồng

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Vũng Tàu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Khoảng 22 giờ ngày 17 tháng 6 năm 2020 tại quán cà phê Góc Phố, địa chỉ 06 06 đường L, Phường M, TP.Vũng Tàu và ngày 04 tháng 7 năm 2020 tại số nhà 82/11 đường Đ, phường T, TP.Vũng Tàu Võ Văn T đã có hành vi trộm cắp số tài sản gồm 01 mắt kính cận hiệu Natimun là 100.000 đồng và số tiền 5.400.000 đ (Năm triệu bốn trăm ngàn đồng) của anh Cao Vũ Đức M; 01 máy tính xách tay hiệu Dell 7510 I7 trị giá 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) của anh Phạm Thành Tr. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của anh M và anh Tr là 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm ngàn đồng);

Vì vậy, hành vi bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Bị cáo là người đã trưởng thành có nhận thức đầy đủ, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện; bị cáo đã từng bị kết án nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt tù không tu sửa bản thân, làm lại cuộc đời mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, hành vi phạm tội

của bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều có giá trị trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Cao Vũ Đức M yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh M nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của các bị cáo.

Bị hại Phạm Thành Tr không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Cao Vũ Đức M; 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Phạm Thành Tr là tài liệu, chứng cứ nên cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[7] Đối với đối tượng tên L cùng trộm cắp tài sản với T, hiện vẫn chưa xác minh được nhân thân lai lịch, đề nghị CQĐT Công an TP.Vũng Tàu tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: **Võ Văn T** (tên gọi khác: **M, Tr M, T bê đê**) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1, Điều 51; điểm g, h khoản 1, Điều 52; Điều 38 và Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt **Võ Văn T: 15 (Mười lăm) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 7 năm 2020;

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 590, 601 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Võ Văn T bồi thường cho anh Cao Vũ Đức M số tiền 5.500.000 đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Cao Vũ Đức M; 01 đĩa vi tính có hình ảnh, diễn biến quá trình phạm tội thu giữ từ bị hại Phạm Thành Tr.

4. Án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan người vắng mặt thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Công an thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố Vũng Tàu;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Nga